

BÁO CÁO

Kết quả quan trắc môi trường nước mặt trên suối Bản Thi theo kế hoạch lấy mẫu giám sát chất lượng môi trường (lần 1) sau sự cố môi trường tại công trình hồ chứa quặng đuôi số 1 của mỏ kẽm chì Chợ Điền

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường, tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Yên Thịnh tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Lập và xã Kiên Đài tỉnh Tuyên Quang,

Căn cứ Văn bản số 1970/BNMT-MT ngày 05/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giám sát chất lượng môi trường sau sự cố môi trường tại công trình hồ chứa quặng đuôi số 1 của mỏ kẽm chì Chợ Điền, tỉnh Thái Nguyên.

Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên đã ký hợp đồng thuê Viện Khoa học Công nghệ - Vinacomin phối hợp thực hiện lập báo cáo kết quả phục hồi môi trường sau sự cố môi trường tại công trình hồ chứa quặng đuôi số 1 của mỏ kẽm chì Chợ Điền, xã Yên Thịnh, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 26/3/2026, Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico đã gửi Công văn số 906/TMC-ATMT ngày 26/3/2026 đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang về kế hoạch giám sát chất lượng môi trường sau phục hồi môi trường sự cố môi trường tại công trình hồ chứa quặng đuôi số 1 của mỏ kẽm chì Chợ Điền, tỉnh Thái Nguyên.

Từ ngày 1/3/2026 đến ngày 3/4/2026, Công ty đã phối hợp với Viện Khoa học Công nghệ - Vinacomin tổ chức lấy mẫu giám sát chất lượng môi trường sau phục hồi môi trường theo Văn bản số 1970/BNMT-MT ngày 05/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường dưới sự chứng kiến giám sát của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, đại diện UBND xã Yên Thịnh, tỉnh Thái Nguyên, đại diện UBND xã Yên Lập và xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường và phiếu kết quả quan trắc môi trường do Viện Khoa học Công nghệ - Vinacomin cung cấp. Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico báo cáo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang; UBND xã Yên Thịnh tỉnh Thái Nguyên; UBND xã Yên Lập và UBND xã Kiên Đài tỉnh Tuyên Quang kết quả quan trắc môi trường nước mặt của suối Bản Thi như sau:

1. Kết quả phân tích nước mặt trên suối Bản Thi

1.1. Nước mặt suối Bản Thi chảy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên



Tổng số mẫu nước mặt lấy 10 mẫu.

- Các chỉ tiêu phân tích gồm: pH, TSS, As, Pb, Cd, Cu, Zn.

- Kết quả phân tích thể hiện trong bảng 1, 2 và bảng 3 như sau:

Bảng 1:

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 08:2023/BTNMT	
							Bảng 1	Bảng 2
			NM-TN1	NM-TN2	NM-TN3	NM-TN4		Mức B
1	pH	-	7,5	6,9	6,3	7,4	-	6,0-8,5
2	TSS	mg/l	40	13	15	71	-	≤ 100
3	As	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	
4	Pb	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	
5	Cd	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,005	
6	Cu	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1	
7	Zn	mg/l	0,06	KPH	0,08	0,11	0,5	

Trong đó:

+ NM-TN1: Nước mặt tại suối Khuổi Đeng gần bãi thải quặng đuôi 1 (trước khi nhập vào khu vực ảnh hưởng sự cố).

+ NM-TN2: Nước mặt tại suối Khuổi Đeng khu vực có ảnh hưởng sự cố (trước khi chảy vào suối Bản Thi).

+ NM-TN3: Nước mặt tại suối Bản Thi trước khu vực ảnh hưởng sự cố, xã Yên Thịnh, tỉnh Thái Nguyên.

+ NM-TN4: Nước mặt tại suối Bản Thi sau khu vực ảnh hưởng sự cố (cách khu vực vị trí đập hồ chứa số 1 mỏ Chợ Điền khoảng 3km về phía hạ lưu, xã Yên Thịnh).

Bảng 2:

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08:2023/BTNMT	
						Bảng 1	Bảng 2
			NM-TN5	NM-TN6	NM-TN7		Mức B
1	pH	-	7,6	7,3	7,7	-	6,0-8,5
2	TSS	mg/l	7	69	8	-	≤ 100
3	As	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,01	
4	Pb	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,01	
5	Cd	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,005	
6	Cu	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,1	
7	Zn	mg/l	0,09	KHP	0,04	0,5	

Trong đó:

+ NM-TN5: Nước mặt tại suối Bản Thi trước khi hợp lưu với suối Bản Cậu, xã Yên Thịnh, tỉnh Thái Nguyên.

+ NM-TN6: Nước mặt tại suối Bản Cậu trước khi hợp lưu với suối Bản Thi.

+ NM-TN7: Nước mặt tại cầu Kéo Nàng.

Bảng 3:

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08:2023/BTNMT	
						Bảng 1	Bảng 2
			NM-TN8	NM-TN9	NM-TN10		Mức B
1	pH	-	7,3	8,3	7,7	-	6,0-8,5
2	TSS	mg/l	92	32	5	-	≤ 100
3	As	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,01	
4	Pb	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,01	
5	Cd	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,005	
6	Cu	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,1	
7	Zn	mg/l	0,04	0,05	KPH	0,5	

Trong đó:

- + NM-TN8: Nước mặt tại suối Khuổi Va trước khi hợp lưu với suối Bản Thi.
- + NM-TN9: Nước mặt tại suối Bản Vay chảy ra Bản Loàn.
- + NM-TN10: Nước mặt trên suối Bản Thi sau điểm hợp lưu với suối Bản Vay.

1.2 Nước mặt suối Bản Thi chảy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

- Tổng số mẫu nước mặt lấy 10 mẫu.
- Các chỉ tiêu phân tích gồm: pH, TSS, As, Pb, Cd, Cu, Zn.
- Kết quả phân tích được thể hiện trong bảng 4, 5 và bảng 6 như sau:

Bảng 4:

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
							Bảng 1	Bảng 2
			NM-TQ1	NM-TQ2	NM-TQ3	NM-TQ4		Mức B
1	pH	-	7,9	7,3	7,3	6,9	-	6,0-8,5
2	TSS	mg/l	28	20	45	80	-	≤ 100
3	As	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	
4	Pb	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	
5	Cd	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,005	
6	Cu	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1	
7	Zn	mg/l	0,06	KPH	KPH	KPH	0,5	

Trong đó:

- + NM-TQ1: Nước mặt tại đập tràn gần UBND xã Bình Phú cũ (nay là xã Yên Lập), tỉnh Tuyên Quang.
- + NM-TQ2: Nước mặt trên địa bàn xã Bình Phú cũ (nay là xã Yên Lập), tỉnh Tuyên Quang.
- + NM-TQ3: Nước mặt tại suối Kiên Đài trước điểm hợp lưu với suối Bình Phú.
- + NM-TQ4: Nước mặt tại khe suối hướng bên đồi Yên Lập chảy xuống (cạnh cầu số 3 Phú Linh) PV 345.

0100003
CÔNG TY
PHÂN
LOẠI MÀ
NGUYỄN
IMICO
G.T. THÁI

Bảng 5:

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
							Bảng 1	Bảng 2
			NM-TQ5	NM-TQ6	NM-TQ7	NM-TQ8		Mức B
1	pH	-	7,2	7,5	7,2	7,4	-	6,0-8,5
2	TSS	mg/l	85	79	54	84	-	≤ 100
3	As	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	
4	Pb	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	
5	Cd	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,005	
6	Cu	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1	
7	Zn	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,5	

Trong đó:

+ NM-TQ5: Nước mặt tại khe suối từ đồi Yên Lập chảy xuống, vị trí: cầu km2 Phú Linh, PV 340.

+ NM-TQ6: Nước mặt tại khe nước từ đồi Yên Lập chảy xuống (cầu km0 Pắc Cáp) PV 25.

+ NM-TQ7: Nước mặt tại suối chảy từ khu vực Yên Lập sang, vị trí đầu cầu Làng Ho số 1, PV 90.

+ NM-TQ8: Nước mặt tại suối chảy từ khu vực Yên Lập sang, vị trí đầu làng 135, tỉnh Tuyên Quang.

Bảng 6:

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT	
							Bảng 1	Bảng 2
			NM-TQ9	NM-TQ10	NM-TQ11	NM-TQ12		Mức B
1	pH	-	7,5	7,4	7,4	7,4	-	6,0-8,5
2	TSS	mg/l	61	57	82	31	-	≤ 100
3	As	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	
4	Pb	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01	
5	Cd	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,005	
6	Cu	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1	
7	Zn	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,5	

Trong đó:

+ NM-TQ9: Nước mặt tại suối chảy từ khu vực trung tâm Yên Lập ra, vị trí Làng 135, PV 68.

+ NM-TQ10: Nước mặt tại suối chảy từ Phú Đa - Phú Bình ra, vị trí cầu treo Nà Coóc, tỉnh Tuyên Quang.

+ NM-TQ11: Nước mặt tại Ngã 3 suối chảy từ Kéo Mác hợp với suối Bình Phú, vị trí cây đa Đài Thị, PV 50.

+ NM-TQ12: Nước mặt trên Sông Gâm (vị trí hợp lưu giữa suối Bản Ho và Sông Gâm).

2. Nhận xét kết quả phân tích

Qua kết quả phân tích cho thấy 10 mẫu nước mặt lấy trên suối Bản Thi chảy qua địa bàn xã Yên Thịnh, tỉnh Thái Nguyên và 12 mẫu nước suối Bản Thi chảy qua địa bàn xã Yên Lập, xã Kiên Đài tỉnh Tuyên Quang các chỉ tiêu pH, TSS, As, Pb, Cd, Cu, Zn đều nằm trong giới hạn cho phép của Bảng 1 và Mức A Bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc về chất lượng nước mặt. Căn cứ kết quả phân tích trên cho thấy chất lượng nước suối Bản Thi có chất lượng nước tốt, nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước công nghiệp, nông nghiệp, chăn nuôi và tưới tiêu và trồng trọt.

3. Kiến nghị, đề xuất

Căn cứ kết quả phân tích chất lượng nước suối Bản Thi, Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang; UBND xã Yên Thịnh tỉnh Thái Nguyên; UBND xã Yên Lập và UBND xã Kiên Đài tỉnh Tuyên Quang để thông báo đến nhân dân địa phương được biết.

Trên đây là báo cáo về kết quả quan trắc phân tích chất lượng nước mặt trên suối Bản Thi (lấy mẫu lần 1) theo kế hoạch lấy mẫu giám sát chất lượng môi trường sau sự cố môi trường tại công trình hồ chứa quặng đuôi số 1 mỏ kẽm chì Chợ Đền của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám đốc (b/c);
- Chi nhánh KLM Bắc Kạn;
- Các phòng Công ty;
- Lưu VT, AT-MT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ta Văn Bình



 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 
--	---	--

Số: 193/2026/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian quan trắc: 01/04/2026

Thời gian đo, phân tích: 01/04/2026 - 15/04/2026

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TN1	NM-TN2		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,5	6,9	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	40	13	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,06	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TN1: Nước mặt tại suối Khuổi Đeng gần bãi thải quặng đuôi 1 (trước khi nhập vào khu vực ảnh hưởng sự cố) (X=2459446; Y=395518).
- NM-TN2: Nước mặt tại suối Khuổi Đeng chịu ảnh hưởng sự cố (trước khi chảy vào suối Bản Thi) (X=2459116; Y=396083).
- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°30', múi chiều 3° (Bắc Kạn, nay là tỉnh Thái Nguyên).

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG


 VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ VINACOMIN
 Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI


 Nguyễn Thị Phương Huệ


 Lê Bình Dương

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 
--	---	--

Số: 194/2026/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian quan trắc: 01/04/2026

Thời gian đo, phân tích: 01/04/2026 - 15/04/2026

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TN3	NM-TN4		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	6,3	7,4	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	15	71	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,08	0,11	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TN3: Nước mặt tại suối Bàn Thi trước khu vực ảnh hưởng sự cố, xã Yên Thịnh, tỉnh Thái Nguyên (X=2460269; Y=396443).

- NM-TN4: Nước mặt tại suối Bàn Thi sau khu vực ảnh hưởng sự cố (cách khu vực bị đổ chất thải ra suối Bàn Thi khoảng 3km về phía hạ lưu, xã Yên Thịnh) (X=2456305; Y=394480).

- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°30', múi chiếu 3° (Bắc Kạn, nay là tỉnh Thái Nguyên).

**ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Phương Huệ

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

Lê Bình Dương

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

VIỆN
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ MỎ
VINACOMIN
THÀNH XUYÊN - TP. HÀ NỘI
Phan Văn Việt

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	  VIETNAM 070
--	---	---

Số: 195/2026/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian quan trắc: 01/04/2026

Thời gian đo, phân tích: 01/04/2026 - 15/04/2026

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TN5	NM-TN6		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,6	7,3	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	7	69	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,09	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TN5: Nước mặt tại suối Bàn Thi trước khi hợp lưu với suối Bàn Cẩu, xã Yên Thịnh, tỉnh Thái Nguyên (X=2455888; Y=394867).

- NM-TN6: Nước mặt tại suối Bàn Cẩu trước khi hợp lưu với suối Bàn Thi (X=2455840; Y=394926).

- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 106°30', múi chiếu 3° (Bắc Kạn, nay là tỉnh Thái Nguyên).

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Huệ



Lê Bình Dương



PHẦN VĂN VIẾT

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	  VINAS 079
--	---	---

Số: 196/2026/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian quan trắc: 01/04/2026

Thời gian đo, phân tích: 01/04/2026 - 15/04/2026

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TN7	NM-TN8		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,7	7,3	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	8	92	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,04	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TN7: Nước mặt tại cầu Kéo Nàng (X=2460281; Y=396293).
- NM-TN8: Nước mặt tại suối Khuổi Va trước khi hợp lưu với suối Bàn Thi (X=2458914; Y=396247).
- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°30', múi chiều 3° (Bắc Kạn, nay là tỉnh Thái Nguyên).

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG


 Nguyễn Thị Phương Huệ


 Lê Bình Dương


 Phan Văn Việt

 VIMCER 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 

Số: 197/2026/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian quan trắc: 01/04/2026

Thời gian đo, phân tích: 01/04/2026 - 15/04/2026

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện		Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TN9		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	8,3	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	32	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,05	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TN9: Nước mặt tại suối Bàn Vay ra Bàn Loàn (X=2455889; Y=394864).

- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°30', múi chiều 3° (Bắc Kạn, nay là tỉnh Thái Nguyên).

**ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH**

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

**KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Huệ



Lê Bình Dương



Phan Văn Việt

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	  VILAS 070

Số: 198/2026/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian quan trắc: 01/04/2026

Thời gian đo, phân tích: 01/04/2026 - 15/04/2026

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện		Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TN10		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,7	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	5	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TN10: Nước mặt trên suối Bàn Thi sau điểm hợp lưu với suối Bàn Vay (X=2456820; Y=392576).

- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°30', múi chiều 3° (Bắc Kạn, nay là tỉnh Thái Nguyên).

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Huệ



Lê Bình Dương



Phan Văn Việt

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 
	Số: 199/2026/N-MT-VKHCNM Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026	

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico
Thời gian quan trắc: 02/04/2026
Thời gian đo, phân tích: 02/04/2026 - 15/04/2026
Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TQ1	NM-TQ2		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,9	7,3	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	28	20	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,06	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TQ1: Nước mặt tại đập tràn gần UBND xã Bình Phú cũ (nay là xã Yên Lập), tỉnh Tuyên Quang (X=2454392; Y=440605).
- NM-TQ2: Nước mặt trên địa bàn xã Bình Phú cũ (nay là xã Yên Lập), tỉnh Tuyên Quang (X=2451912; Y=436957).
- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 106°, múi chiếu 3° (Tuyên Quang).

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Thị Phương Huệ


Lê Bình Dương

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VINACOMIN

Phan Văn Việt

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 

Số: 200/2026/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian quan trắc: 02/04/2026

Thời gian đo, phân tích: 02/04/2026 - 15/04/2026

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TQ3	NM-TQ4		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,3	6,9	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	45	80	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TQ3: Nước mặt tại suối Kiên Đài trước điểm hợp lưu với suối Bình Phú (X=2450347; Y=438350).

- NM-TQ4: Nước mặt tại Khe suối hướng bên đồi Yên Lập chảy xuống (cạnh cầu số 3 Phú Linh) PV 345 (X=2452007; Y=438522).

- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3° (Tuyên Quang).

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG





Nguyễn Thị Phương Huệ

Lê Bình Dương

Phạm Văn Việt

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 
	Số: 201/2026/N-MT-VKHCNM Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026	

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico
Thời gian quan trắc: 02/04/2026
Thời gian đo, phân tích: 02/04/2026 - 15/04/2026
Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TQ5	NM-TQ6		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,2	7,5	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	85	79	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TQ5: Nước mặt tại Khe Suối từ Đồi Yên Lập chảy xuống, vị trí: cầu km2 Phú Linh, PV 340 (X=2451628; Y=439377).
- NM-TQ6: Nước mặt tại Khe nước từ đồi Yên Lập chảy xuống (Cầu km0 Pắc Cáp) PV 25 (X=2451540; Y=438095).
- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 106°, múi chiếu 3° (Tuyên Quang).

**ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH**


 Nguyễn Thị Phương Huệ

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG


 Lê Bình Dương

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**


 Phan Văn Việt

 VIMCER 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 
	Số: 202/2026/N-MT-VKHCNM Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026	

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico
 Thời gian quan trắc: 02/04/2026
 Thời gian đo, phân tích: 02/04/2026 - 15/04/2026
 Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TQ7	NM-TQ8		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,2	7,4	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	54	84	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TQ7: Nước mặt tại Suối chảy từ khu vực Yên Lập sang, vị trí đầu cầu Làng Ho số 1, PV 90 (X=2453367; Y=436147).
- NM-TQ8: Nước mặt tại suối chảy từ khu vực Yên Lập sang, vị trí đầu làng 135, tỉnh Tuyên Quang (X=2455165; Y=434746).
- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 106°, múi chiếu 3° (Tuyên Quang).

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Phương Huệ

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

Lê Bình Dương

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phan Văn Việt

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	

Số: 203/2026/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian quan trắc: 02/04/2026

Thời gian đo, phân tích: 02/04/2026 - 15/04/2026

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TQ9	NM-TQ10		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,5	7,4	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	61	57	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TQ9: Nước mặt tại Suối chảy từ khu vực trung tâm Yên Lập ra, vị trí Làng 135, PV 68 (X=2456334; Y=434525).

- NM-TQ10: Nước mặt tại suối chảy từ Phú Đa-Phú Bình ra, vị trí cầu treo Nà Coóc, tỉnh Tuyên Quang (X=2456504; Y=433455).

- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3° (Tuyên Quang).

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Phương Huệ

Lê Bình Dương

Phan Văn Việt



 VIMCER 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 
--	---	--

Số: 204/2026/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian quan trắc: 02/04/2026

Thời gian đo, phân tích: 02/04/2026 - 15/04/2026

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT			
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			Bảng 1	Bảng 2		
					NM-TQ11	NM-TQ12		Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,4	7,1	-	6,0-8,5	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	82	31	-	≤ 100	>100 và không có rác nổi	>100 và Có rác nổi
3	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	KPH	0,01	-	-	-
4	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	KPH	0,01	-	-	-
5	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	KPH	0,005	-	-	-
6	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,1	-	-	-
7	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH	KPH	0,5	-	-	-

Ghi chú:

- NM-TQ11: Nước mặt tại Ngã 3 suối chảy từ Kéo Mác hợp với suối Bình Phú, vị trí cây đa Đài Thị, PV 50 (X=2457818; Y=432979).
- NM-TQ12: Nước mặt trên Sông Gâm (Vị trí hợp lưu giữa suối Bàn Ho và Sông Gâm) (X=2458047; Y=431737).
- Hệ tọa độ các điểm giám sát là hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 106°, múi chiều 3° (Tuyên Quang).

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG


 Nguyễn Thị Phương Huệ


 Lê Bình Dương


 Phan Văn Việt